

Mã và thông tin trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Ký hiệu: **SPH**

Loại hình: Công lập

Địa chỉ: 136 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 04.37547823

Website: www.hnue.edu.vn

Tên trường Đại học Sư phạm Hà Nội bằng tiếng anh: Hanoi Pedagogical University

1. Đối tượng tuyển sinh

Học sinh đã tốt nghiệp THPT và có hạnh kiểm các kỳ đều đạt loại khá trở lên.

2. Phạm vi tuyển sinh: Toàn quốc

3. Phương thức tuyển sinh: Kết hợp thi tuyển và xét tuyển;

Có 3 phương thức tuyển sinh:

- Xét tuyển: Trường dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc Gia.

- Xét tuyển thẳng: Xem cụ thể tại mục 2.8

- Tổ chức thi tuyển sinh riêng (không lấy kết quả thi THPTQG): các ngành SP Âm nhạc, SP Mỹ thuật, Giáo dục thể chất (chi tiết xem thông tin trong Thông báo số: 284 ngày 29 tháng 03 năm 2018 của trường ĐHSP Hà Nội về việc Tổ chức thi tuyển sinh riêng các ngành SP Âm nhạc, SP Mỹ thuật, Giáo dục thể chất và thi môn năng khiếu tuyển sinh vào ngành GDMN, GDMN-TA.

4. Chỉ tiêu tuyển sinh



TT	Ngành học	Mã	Chỉ tiêu (dự kiến)		Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2		Tổ hợp môn xét tuyển 3	
			Theo xét KQ thi THPT QG	Theo phương thức khác	Mã tổ hợp môn	Môn chính	Mã tổ hợp môn	Môn chính	Mã tổ hợp môn	Môn chính
1	Các ngành đào tạo đại học									
1.1	Quản lí giáo dục	7140114A	10		A00					
1.2	Quản lí giáo dục	7140114C	15		C00					
1.3	Quản lí giáo dục	7140114D	10		D01		D02		D03	
1.4	Giáo dục Mầm non	7140201A	40		M00					
1.5	Giáo dục Mầm non SP Tiếng Anh	7140201B	15		M01					
1.6	Giáo dục Mầm non SP Tiếng Anh	7140201C	15		M02					
1.7	Giáo dục Tiểu học	7140202A	35		D01		D02		D03	
1.8	Giáo dục Tiểu học	7140202B	5		D11		D52		D54	
1.9	Giáo dục Tiểu học SP Tiếng Anh	7140202C	5		D11					
1.10	Giáo dục Tiểu học SP Tiếng Anh	7140202D	25		D01					
1.11	Giáo dục Đặc biệt	7140203B	10		B03					
1.12	Giáo dục Đặc biệt	7140203C	17		C00					
1.13	Giáo dục Đặc biệt	7140203D	8		D01		D02		D03	
1.14	Giáo dục công dân	7140204A	20		C14					
1.15	Giáo dục công dân	7140204B	25		D66		D68		D70	
1.16	Giáo dục công dân	7140204D	35		D01		D02		D03	
1.17	Giáo dục chính trị	7140205A	15		C14					
1.18	Giáo dục chính trị	7140205B	20		D66		D68		D70	
1.19	Giáo dục chính trị	7140205D	20		D01		D02		D03	
1.20	Giáo dục Thể chất	7140206	0	45						
1.21	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	7140208A								
1.22	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	7140208B								
1.23	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	7140208C								
1.24	SP Toán học TO-LY-HO	7140209A	120		A00					

TT	Ngành học	Mã	Chi tiêu (dự kiến)		Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2		Tổ hợp môn xét tuyển 3		Tổ hợp môn xét tuyển 4	
			Theo xét KQ thi THPT QG	Theo phương thức khác	Mã tổ hợp môn	Môn chính	Mã tổ hợp môn	Môn chính	Mã tổ hợp môn	Môn chính	Mã tổ hợp môn	Môn chính
1	Các ngành đào tạo đại học											
1.1	Giáo dục Mầm non	7140201	200	20	M00		M10		M11		M13	
1.2	Giáo dục Tiểu học	7140202	210	40	A00	TO	A01	TO	C04	VA	D01	VA
1.3	Giáo dục Công dân	7140204	30	10	C00		C19		D01		D66	
1.4	Giáo dục Thể chất	7140206	10	20	T00	NK2	T02	NK2	T03	NK2	T05	NK2
1.5	Sư phạm Toán học	7140209	130	20	A00	TO	A01	TO	D01	TO	D84	TO
1.6	Sư phạm Tin học	7140210	20	10	A00	TO	A01	TO	C01	TO	D01	TO
1.7	Sư phạm Vật lý	7140211	20	10	A00	LI	A01	LI	A04	LI	C01	LI
1.8	Sư phạm Hoá học	7140212	20	10	A00	HO	A06	HO	B00	HO	D07	HO
1.9	Sư phạm Sinh học	7140213	20	10	B00	SI	B02	SI	B03	SI	D08	SI
1.10	Sư phạm Ngữ văn	7140217	130	20	C00	VA	C14	VA	D01	VA	D15	VA
1.38	SP Hoá học	7140212A	80		A00							
1.39	SP Hoá học (dạy Hoá bằng tiếng Anh)	7140212B	25		D07							
1.40	SP Sinh học	7140213A	10		A00							
1.41	SP Sinh học	7140213B	45		B00							
1.42	SP Sinh học	7140213C	5		B03							
1.43	SP Sinh học (dạy Sinh bằng tiếng Anh)	7140213D	3		D01							
1.44	SP Sinh học (dạy Sinh bằng tiếng Anh)	7140213E	4		D07							
1.45	SP Sinh học (dạy Sinh bằng tiếng Anh)	7140213F	18		D08							
1.46	SP Ngữ văn	7140217C	90		C00							
1.47	SP Ngữ văn	7140217D	55		D01		D02		D03			
1.48	SP Lịch sử	7140218C	65		C00							
1.49	SP Lịch sử	7140218D	5		D14		D62		D64			
1.50	SP Địa lý	7140219A	15		A00							

1.51	SP Địa lý	7140219B	15		C04					
1.52	SP Địa lý	7140219C	50		C00					
1.53	Sư phạm Âm nhạc	7140221	0	25						
1.54	Sư phạm Mỹ thuật	7140222	0	25						
1.55	Sư phạm Tiếng Anh	7140231	60		D01	N1				
1.56	SP Tiếng Pháp	7140233C	4		D15		D42		D44	
1.57	SP Tiếng Pháp	7140233D	26		D01	N1	D02	N2	D03	N3
1.58	SP Công nghệ	7140246A	50		A00					
1.59	SP Công nghệ	7140246B	20		A01					
1.60	SP Công nghệ	7140246C	20		C01					
1.61	Ngôn ngữ Anh	7220201	100		D01	N1				
1.62	Triết học	7229001B	35		C03					
1.63	Triết học	7229001C	45		C00					
1.64	Triết học	7229001D	20		D01		D02		D03	

1.65	Văn học	7229030C	60		C00				
1.66	Văn học	7229030D	40		D01	D02		D03	
1.67	Chính trị học (Kinh tế chính trị Mác Lênin)	7310201A	30		C14				
1.68	Chính trị học (Kinh tế chính trị Mác Lênin)	7310201B	30		D84	D86		D87	
1.69	Chính trị học (Kinh tế chính trị Mác Lênin)	7310201D	40		D01	D02		D03	
1.70	Tâm lý học (Tâm lý học trường học)	7310401A	20		C03				
1.71	Tâm lý học (Tâm lý học trường học)	7310401C	70		C00				
1.72	Tâm lý học (Tâm lý học trường học)	7310401D	30		D01	D02		D03	
1.73	Tâm lý học giáo dục	7310403A	10		C03				
1.74	Tâm lý học giáo dục	7310403C	20		C00				
1.75	Tâm lý học giáo dục	7310403D	10		D01	D02		D03	
1.76	Việt Nam học	7310630B	15		C04				
1.77	Việt Nam học	7310630C	45		C00				
1.78	Việt Nam học	7310630D	60		D01	D02		D03	
1.79	Sinh học	7420101A	15		A00				
1.80	Sinh học	7420101B	70		B00				
1.81	Sinh học	7420101C	15		C04				
1.82	Hoá học	7440112	100		A00				
1.83	Toán học	7460101B	50		A00				
1.84	Toán học	7460101C	20		A01				
1.85	Toán học	7460101D	30		D01				
1.86	Công nghệ thông tin	7480201A	90		A00				
1.87	Công nghệ thông tin	7480201B	30		A01				
1.88	Công tác xã hội	7760101B	20		D14	D62		D64	
1.89	Công tác xã hội	7760101C	30		C00				
1.90	Công tác xã hội	7760101D	70		D01	D02		D03	
Tổng:			2.540	95					

5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận ĐKXT:



VnDoc - Tài liệu, văn bản pháp luật, biểu mẫu miễn phí

- Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào: Thông báo sau theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo .

- Điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT: Tốt nghiệp THPT và có hạnh kiểm các kỳ đều đạt loại khá trở lên.

6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường:

- Trường xét tuyển theo từng ngành.

Tiêu chí xét tuyển chính: Xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu dựa theo tổng kết quả thi 3 môn (bao gồm cả môn thi chính nhân hệ số 2 nếu có) của tổ hợp đăng ký xét tuyển và điểm ưu tiên (nếu có).

Trường hợp xét tuyển đến một mức điểm nhất định mà vẫn còn chỉ tiêu nhưng xét đến mức điểm tiếp theo số thí sinh cùng bằng điểm cao hơn số lượng chỉ tiêu còn lại thì thực hiện xét tuyển theo các tiêu chí phụ.

Tiêu chí xét tuyển phụ:

+ Tiêu chí 1: Thí sinh có điểm môn thi ưu tiên 1 (xem bảng sau) cao hơn sẽ trúng tuyển.

+ Tiêu chí 2: Thí sinh có điểm môn thi ưu tiên 2 (xem bảng sau) cao hơn sẽ trúng tuyển.

Xét tiêu chí 2 khi sử dụng tiêu chí 1 mà vẫn còn nhiều thí sinh bằng điểm nhau và số lượng vượt chỉ tiêu cần tuyển.

Chú ý:

- Các ngành SP Toán học, SP Tin học, SP Vật lý, SP Hoá học và SP Sinh học có 2 chương trình đào tạo: chương trình SP Toán học, SP Tin học, SP Vật lý, SP Hoá học, SP Sinh học và chương trình SP Toán học, SP Tin học, SP Vật lý, SP Hoá học, SP Sinh học tương ứng dạy Toán, Tin, Lý, Hoá, Sinh bằng tiếng Anh (thí sinh ghi rõ tên ngành là SP Toán học hoặc SP Tin học, SP Vật lý, SP Hoá học, SP Sinh học dạy Toán (tương ứng Tin, Lý, Hoá, Sinh) bằng tiếng Anh trong hồ sơ đăng ký xét tuyển).

- Chương trình Giáo dục Mầm non - SP Tiếng Anh (thí sinh ghi rõ tên ngành là Giáo dục Mầm non - SP Tiếng Anh trong hồ sơ đăng ký xét tuyển) đào tạo giáo viên dạy mầm non và tiếng Anh ở trường mầm non.



- Chương trình Giáo dục Tiểu học - SP Tiếng Anh (thí sinh ghi rõ tên ngành là Giáo dục Tiểu học - SP Tiếng Anh trong hồ sơ đăng ký xét tuyển) đào tạo giáo viên dạy tiểu học và tiếng Anh ở trường tiểu học.

- Ngành Sư phạm Công nghệ: đào tạo giáo viên Công nghệ phổ thông

- Ngành Giáo dục Đặc biệt đào tạo giáo viên dạy trẻ khuyết tật và hoà nhập.

- Thí sinh dự thi vào ngành Giáo dục Thể chất phải đạt tiêu chuẩn chiều cao và cân nặng như sau: đối với nam cao 1,65m, nặng 45kg trở lên; đối với nữ cao 1,55m, nặng 40kg trở lên.

- Thí sinh dự thi vào các ngành Giáo dục Thể chất, SP Âm nhạc và SP Mỹ thuật phải có điểm trung bình chung cả năm lớp 12 môn Ngữ văn hoặc Toán đạt từ 6.5 điểm trở lên.

- Các ngành sư phạm không tuyển những thí sinh bị dị hình, dị tật, nói ngọng, nói lắp.

- Sinh viên học các ngành đào tạo thuộc nhóm ngành IV, V, VII phải đóng học phí.

*. Các môn thi năng khiếu:

- Ngành SP Âm nhạc: Môn Thảm âm và Tiết tấu (hệ số 1); môn Hát (hệ số 2).

- Ngành SP Mỹ thuật: Môn Hình hoạ chì (tượng chân dung người- hệ số 2); Môn Trang trí (hệ số 1).

- Ngành Giáo dục thể chất: Tại chỗ Bật xa (hệ số 2) và Chạy 100m.

- Ngành Giáo dục Mầm non, Giáo dục Mầm non - SP Tiếng Anh: Hát, Kể chuyện và đọc diễn cảm (hệ số 1)

*. Thời gian thi các môn năng khiếu: từ ngày 01/07/2018 đến 04/07/2018 tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội, địa chỉ: 136 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội.

Các thí sinh dự thi vào các ngành có môn thi năng khiếu phải nộp hồ sơ đăng ký dự thi năng khiếu và lệ phí thi năng khiếu từ ngày 20/04/2018 đến hết ngày 28/06/2018 (trong giờ hành chính, trừ ngày thứ 7, Chủ nhật và ngày lễ). Xem chi tiết thông tin trong Thông báo số: 284 ngày 29 tháng 03 năm 2018 của trường ĐHSPT Hà Nội về việc Tổ chức thi tuyển sinh riêng các ngành SP Âm nhạc, SP Mỹ thuật, Giáo dục thể chất và thi môn năng khiếu tuyển sinh vào ngành GDMN, GDMN-TA.

Ghi chú: Môn Ngoại ngữ dùng để xét tuyển vào các ngành có sử dụng môn Ngoại ngữ của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội là tiếng Anh, tiếng Nga hoặc tiếng Pháp.

7. Tổ chức tuyển sinh

2.7.1. Đối với các ngành trường xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc Gia

- Thời gian đăng ký xét tuyển và công bố kết quả xét tuyển: Theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Hình thức đăng ký xét tuyển: Theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
- Các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo: Xem mục 2.6

2.7.2 Đối với các ngành SP Âm nhạc, SP Mỹ thuật và Giáo dục thể chất: trường tổ chức thi tuyển sinh riêng.

*. Đối tượng dự thi:

Người đã tốt nghiệp Trung học phổ thông (THPT) hoặc tương đương, có hạnh kiểm các kỳ đều đạt loại khá trở lên và có điểm trung bình chung cả năm lớp 12 môn Ngữ văn hoặc Toán đạt từ 6.5 điểm trở lên.

*.Thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi: Từ ngày 20/04/2018 đến hết ngày 28/06/2018

Thí sinh có thể chọn các hình thức sau đây:

Nộp tại Trường ĐHSP Hà Nội:

- + Nơi tiếp nhận hồ sơ: P 203-Phòng Đào Tạo, Nhà Hành chính Hiệu Bộ, Trường Đại học Sư Phạm Hà Nội-136 Xuân Thủy, Cầu Giấy, TP Hà Nội.
- + Thời gian tiếp nhận: Trong giờ hành chính, trừ ngày thứ 7, Chủ nhật, ngày lễ.

Chuyển phát nhanh qua đường bưu điện:

Địa chỉ: P 203-Phòng Đào Tạo, Trường Đại học Sư Phạm Hà Nội-136 Xuân Thủy, Cầu Giấy, TP Hà Nội.

*. Thời gian thi: từ ngày 01/07/2018 đến 04/07/2018 tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội, địa chỉ: 136 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội.

*. Môn thi và hình thức thi:



a. Ngành Sư phạm Âm nhạc (SPAN), mã ngành 7140221

- Môn thi 1: Năng khiếu nhạc (hệ số 1): Thầm âm, Tiết tấu

- Môn thi 2: Hát (hệ số 2): thí sinh hát 2 bài hát một bài dân ca và một ca khúc (ưu tiên cho thí sinh biết sử dụng nhạc cụ)

b. Ngành Sư phạm Mỹ thuật (SPMT), mã ngành 7140222

- Môn thi 1: Hình họa chì (hệ số 2): vẽ tượng chân dung người, bài thi vẽ bằng bút chì đen trên giấy trắng, khổ giấy A3 (tương đương với cỡ 30cm x 40cm).

- Môn thi 2: Trang trí hình cơ bản (hệ số 1): vẽ mẫu trang trí các hình vuông, tròn, chữ nhật, đường diềm, bài thi vẽ bằng màu vẽ trên giấy trắng, khổ giấy A3 (tương đương với cỡ 30cm x 40cm).

- Hình thức thi vẽ tại chỗ, thời gian thi 360 phút /1 bài thi.

c. Ngành Giáo dục thể chất (GDTC), mã ngành 7140206

- Môn thi 1: Chạy 100m (hệ số 1)

- Môn thi 2: Tại chỗ bật xa (hệ số 2).

Xem chi tiết thông tin trong Thông báo số: 284 ngày 29 tháng 03 năm 2018 của trường ĐHSP Hà Nội về việc Tổ chức thi tuyển sinh riêng các ngành SP Âm nhạc, SP Mỹ thuật, Giáo dục thể chất và thi môn năng khiếu tuyển sinh vào ngành GDMN, GDMN-TA.

8. Chính sách ưu tiên

Xét tuyển thẳng: có 2 hình thức xét tuyển thẳng:

Các đối tượng theo quy định theo Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gọi tắt là XTT (Nộp hồ sơ theo qui định của Bộ GD và Đào tạo)

Đối tượng là học sinh tốt nghiệp THPT có thời gian học tập cả 3 năm tại các trường THPT chuyên của cả nước và các trường THPT trực thuộc trường ĐHSP Hà Nội, trường ĐHSP TP Hồ Chí Minh có thành tích học tập và rèn luyện tốt; các học sinh trong đội tuyển của các tỉnh/ Thành phố trực thuộc Trung ương, các trường THPT chuyên của các trường đại học tham dự kỳ thi học sinh giỏi quốc gia (gọi tắt là XTT2). Cụ thể như sau:

Điều kiện đăng ký xét tuyển: Học sinh tốt nghiệp THPT năm 2018 và đạt học sinh giỏi tất cả các năm học THPT, đồng thời được xếp loại hạnh kiểm tốt tất cả các học kỳ.



Nguyên tắc xét tuyển

b1) Đối với các ngành SP Toán học, SP Toán học đào tạo giáo viên dạy Toán học bằng Tiếng Anh, Toán học (ngoài sư phạm), SP Vật lý, SP Vật lý đào tạo giáo viên dạy Vật lý bằng Tiếng Anh, SP Hóa học, SP Hóa học (đào tạo giáo viên dạy Hóa học bằng Tiếng Anh, Hóa học (ngoài sư phạm), SP Tin học, SP Tin học đào tạo giáo viên dạy Tin học bằng Tiếng Anh, Công nghệ thông tin xét theo tiêu chí và quy trình sau:

+ Trước hết, xét tuyển các học sinh trong đội tuyển tham dự kỳ thi học sinh giỏi quốc gia môn Toán hoặc Vật lý hoặc Hóa học hoặc Tin học đối với các ngành SP Toán học, SP Toán học đào tạo giáo viên dạy Toán học bằng Tiếng Anh, Toán học (ngoài sư phạm); môn Toán hoặc Vật lý với các ngành SP Vật lý, SP Vật lý đào tạo giáo viên dạy Vật lý bằng Tiếng Anh; môn Toán hoặc Vật lý hoặc Hóa học đối với các ngành SP Hóa học, SP Hóa học đào tạo giáo viên dạy Hóa học bằng Tiếng Anh, Hóa học (ngoài sư phạm); môn Toán hoặc Vật lý hoặc Hóa học hoặc Tin học đối với các ngành SP Tin học, SP Tin học đào tạo giáo viên dạy Tin học bằng Tiếng Anh, Công nghệ thông tin. Đối với các đối tượng này xét theo điểm thi học sinh giỏi quốc gia từ cao trở xuống đến hết chỉ tiêu. Nếu có nhiều hồ sơ có điểm bằng nhau thì xét đến tiêu chí tổng điểm ưu tiên đối tượng và điểm ưu tiên khu vực (ĐUT) (nếu có) theo Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo hiện hành

+ Nếu việc xét ở trên vẫn còn chỉ tiêu, xét theo điểm xét tuyển (ĐXT1):

$\text{ĐXT1} = \text{ĐTB CN10 môn} + \text{ĐTB CN11 môn} + \text{ĐTB CN12 môn}$, trong đó ĐTB CN10 (tương ứng 11, 12) là điểm trung bình cả năm lớp 10 (tương ứng 11, 12) của môn học tương ứng quy định ở phần trước. Nếu có nhiều hồ sơ có điểm ĐXT1 bằng nhau thì lần lượt xét đến tiêu chí phụ thứ nhất là đạt giải học sinh giỏi tỉnh/thành phố đối với môn tương ứng của lớp 11 hoặc 12, ĐUT.

b2) Đối với các ngành còn lại xét tuyển các đối tượng là học sinh tốt nghiệp THPT có thời gian học tập cả 3 năm tại các trường THPT chuyên của cả nước và các trường THPT trực thuộc trường ĐHSP Hà Nội, trường ĐHSP TP Hồ Chí Minh thỏa mãn quy định ở mục a):

Xét theo điểm xét tuyển (ĐXT2):

$\text{ĐXT2} = (\text{ĐTB CN10 môn 1} + \text{ĐTB CN11 môn 1} + \text{ĐTB CN12 môn 1} + \text{ĐTB CN10 môn 2} + \text{ĐTB CN11 môn 2} + \text{ĐTB CN12 môn 2} + \text{ĐTB CN10 môn 3} + \text{ĐTB CN11 môn 3} + \text{ĐTB CN12 môn 3}) + \text{ĐUT}$ (nếu có),

Trong đó ĐTB CN10 (tương ứng 11, 12) môn 1 (tương ứng 2, 3) là điểm trung bình cả năm lớp 10 (tương ứng 11, 12) môn 1 (tương ứng môn 2, 3), ĐUT là tổng điểm ưu tiên đối tượng và điểm ưu tiên khu vực (nếu có) theo Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo hiện hành.



Xét tuyển lấy theo ĐXT2 từ cao xuống đến hết chỉ tiêu xét tuyển thẳng quy định cho đối tượng này.

Nếu có nhiều hồ sơ có ĐXT2 bằng nhau thì lần lượt xét tiếp đến tiêu chí phụ là điểm (trung bình ĐTBCTN của 3 năm học) môn ưu tiên 1, điểm môn ưu tiên 2.

Quy định về hồ sơ

Phiếu đăng ký xét tuyển (theo mẫu quy định của trường – mẫu số 1 (xét theo ĐXT1) hoặc mẫu số 2 (xét theo ĐXT2))

Bản photo công chứng học bạ THPT

Bản photo công chứng giấy chứng nhận đạt giải học sinh giỏi tỉnh/thành phố đối với môn tương ứng của lớp 11 hoặc 12 (nếu có)

Bản sao các giấy tờ ưu tiên (nếu có)

Thí sinh chỉ được đăng ký xét tuyển thẳng vào 1 ngành.

Hình thức đăng ký: Thí sinh đăng ký xét tuyển thẳng theo một trong hai hình thức sau

Nộp hồ sơ trực tiếp tại trường ĐHSP Hà Nội.

Nộp hồ sơ qua đường bưu điện theo hình thức chuyển phát nhanh về: Phòng Đào tạo – trường Đại học Sư phạm Hà Nội, 136 đường Xuân Thủy – Quận Cầu Giấy – Thành phố Hà Nội

Thời gian nộp hồ sơ và công bố kết quả xét tuyển thẳng:

Nộp hồ sơ từ ngày 01/6/2018 đến hết ngày 26/6/2018 (trong giờ hành chính, trừ ngày thứ 7, Chủ nhật và ngày lễ)

Xét tuyển, công bố kết quả 30/6/2018

Nộp các giấy tờ xác nhận thí sinh sẽ học tại trường từ ngày 11/7/2018 đến hết ngày 15/7/2018 Sau thời hạn này nếu thí sinh không nộp đủ các giấy tờ theo quy định, Nhà trường coi như thí sinh không có nguyện vọng học tại trường và sẽ xóa tên khỏi danh sách trúng tuyển.

Lệ phí xét tuyển thẳng: 30.000đ/01 hồ sơ

g) Chỉ tiêu và tổ hợp môn xét tuyển: Xem thông tin mục 2.6

9. Lệ phí xét tuyển



Theo qui định của Bộ Giáo dục và đào tạo

10. Học phí dự kiến

Xem thêm các bài tiếp theo tại: <https://vndoc.com/thi-thpt-quoc-gia>

